

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **117/2019/HC-PT**

Ngày 05/8/ 2019

*V/v Khiếu kiện quyết định hành chính trong
lĩnh vực quản lý đất đai*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phước Thanh.

Các Thẩm phán:

Ông Vũ Thanh Liêm

Ông Nguyễn Xuân Điền

- ***Thư ký phiên tòa:*** Phạm Minh Hoàng, Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:*** Ông Nguyễn Xuân Thanh, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 05 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 07/2018/TLPT-DS ngày 03 tháng 12 năm 2018, về “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 24/2018/DS-ST ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 824/2019/QĐ-PT ngày 22/7/2019, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Phạm Thị C; Địa chỉ: Thôn N1, xã N2, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa- Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê L; Trú tại: Tổ dân phố 18, phường N3, thị xã N, Khánh Hòa- Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn P- Đoàn luật sư tỉnh Khánh Hòa- Có mặt.

2. Người bị kiện:

- Ủy ban nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

- Chủ tịch UBND thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Bá Th, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND thị xã N (*Giấy ủy quyền ngày 02/4/2019 của Chủ tịch UBND thị xã N*) – Vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện: Ông Nguyễn Trần Thanh P1, chức vụ: Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã N- Có mặt.

Cùng địa chỉ: số 999 đường T, phường N3, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Hồ Hữu H; Địa chỉ: Thôn N1, xã N2, thị xã N- Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Đình H1 (*Giấy ủy quyền ngày 30/10/2018*) - Có mặt.

- Bà Hồ Thị G, Bà Hồ Thị N4, Bà Hồ Thị N5

Người đại diện theo ủy quyền của bà G, N4, N5: Ông Lê L; Địa chỉ: Tổ dân phố 18, phường N3, thị xã N- Có mặt.

- Bà Hồ Thị Kim C1, Chị Hồ Thị Kim H2, Anh Hồ Hữu H3, Ông Hồ Ngọc D, Ông Hồ Ngọc V, Ông Hồ Ngọc L1, Ông Hồ L2, Bà Hồ Thị Mỹ D1, Bà Nguyễn Thị H4; Cùng địa chỉ: Thôn N1, xã N2, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa- Vắng mặt.

- Ông Nguyễn Văn T1, Ông Nguyễn Trung T2; Cùng địa chỉ: Thôn T4, xã V1, huyện V2, tỉnh Khánh Hòa- Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo Đơn khởi kiện ngày 17/8/2017, Đơn khởi kiện bổ sung ngày 30/9/2017 và lời khai trong quá trình tố tụng, người khởi kiện là bà Phạm Thị C, người đại theo ủy quyền là ông Lê L và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện trình bày:*

Bà Phạm Thị C và ông Hồ T3 có nhà gắn liền thửa đất số 53, tờ bản đồ số 7, thôn N1, xã N2, thị xã N (*thuộc các thửa số 262, 268 tờ bản đồ số 13, bản đồ địa chính xã N2*). Quá trình chung sống, bà C và ông T3 có các con: Bà Hồ Thị M1 (*chết*), có các con: Ông Hồ Ngọc D, ông Hồ Ngọc V, bà Hồ Thị Mỹ D1, ông Hồ Ngọc L1; bà Hồ Thị G; bà Hồ Thị N5; bà Hồ Thị N4; ông Hồ L2; ông Hồ Hữu H; bà Hồ Thị R (*chết*), có các con: Ông Nguyễn Văn T1, bà Nguyễn Thị H4. Năm 1994, cụ Hồ T3 chết (*không để lại di chúc*), ông Hồ Hữu H là con út cùng với vợ con ở với cụ C trên lô đất.

Ngày 08/7/2011, Ủy ban nhân dân thị xã N (*viết tắt là UBND thị xã N*) ban hành Quyết định số 2540/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của ông Hồ Hữu H đang ở trên đất của bà C tại thửa số 53, tờ bản đồ số 7, thôn N1, xã N2, thị xã N với diện tích 9.476,3m² để thực hiện dự án Trung tâm điện lực V2, xã N2, thị xã N (*viết tắt là Dự án*).

Ngày 08/7/2011, UBND thị xã N ban hành Quyết định số 2540/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân để thực hiện Dự án.

Ngày 21/9/2011, UBND thị xã N ban hành Quyết định số 3137/QĐ-UBND về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho ông Hồ Hữu H khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án.

Ngày 16/6/2017, Chủ tịch UBND thị xã N ban hành Quyết định số 10062/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Hồ Hữu H.

Ngày 11/7/2017, Chủ tịch UBND thị xã N ban hành Quyết định số 10357/QĐ-UBND về việc điều chỉnh một phần nội dung tại Điều 1 Quyết định số 10062/QĐ-UBND ngày 16/6/2017 của Chủ tịch UBND thị xã N.

Bà Phạm Thị C hoàn toàn không biết UBND thị xã N ban hành các Quyết định trên, đến khi Chủ tịch UBND thị xã N ban hành Quyết định cưỡng chế mới giao quyết định thu hồi đất cho gia đình, lúc này bà C mới biết. Việc ông H tự kê khai thửa đất khi chưa có sự đồng ý của bà Phạm Thị C và người thừa kế của ông Hồ T3 là không đúng quy định của pháp luật. Mặc dù ông H từ chối nhận tài sản do Nhà nước bồi thường vì không thuộc quyền sở hữu của ông nhưng không được UBND thị xã N chấp nhận mà vẫn tiến hành cưỡng chế, đập bỏ và thu hồi tài sản của bà Phạm Thị C.

Các Quyết định trên của ủy ban nhân dân và Chủ tịch UBND thị xã N áp dụng đối với ông Hồ Hữu H là sai đối tượng. Tài sản bị thu hồi và cưỡng chế nêu trên thuộc quyền sử dụng và sở hữu của bà Phạm Thị C và người thừa kế của ông Hồ T3. Ông Hồ Hữu H chỉ là một trong những người thừa kế của ông Hồ T3. Không có tài liệu có giá trị pháp lý chứng minh tài sản bị thu hồi và cưỡng chế là của ông H, bản thân ông Hồ Hữu H xác định ông chỉ là một trong những người thừa kế của ông Hồ T3 và đã từ chối nhận tiền bồi thường, hỗ trợ. Ngoài ra, các Quyết định của ủy ban nhân dân và Chủ tịch UBND thị xã N là thiếu căn cứ pháp lý, vi phạm về thẩm định và trái pháp luật. Do đó, bà Phạm Thị C yêu cầu Tòa án hủy các quyết định sau:

- Quyết định số 2540/QĐ-UBND ngày 08/7/2011 của UBND thị xã N về việc thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân để thực hiện dự án Trung tâm điện lực V2, xã N2 thị xã N.

- Quyết định số 3137/QĐ-UBND ngày 21/9/2011 về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho ông Hồ Hữu H.

- Quyết định số 10062/QĐ-UBND ngày 16/6/2017 của Chủ tịch UBND thị xã N về việc cưỡng chế thu hồi đất.

- Quyết định số 10357/QĐ-UBND ngày 11/7/2017 của Chủ tịch UBND thị xã N về việc điều chỉnh một phần nội dung tại Điều 1 Quyết định số 10062/QĐ-UBND ngày 16/6/2017 của Chủ tịch UBND thị xã N.

** Tại Văn bản số 3599/UBND ngày 10/11/2017, Văn bản số 815/UBND ngày 22/3/2018 gửi Tòa án và quá trình tố tụng, người bị kiện là ủy ban nhân dân và Chủ tịch UBND thị xã N, người đại diện theo ủy quyền và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện trình bày:*

Thực hiện Quyết định số 918/QĐ-UBND ngày 28/04/2009 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc cho phép tiến hành chuẩn bị dự án bồi thường hỗ trợ và tái định cư thôn N1, xã N2, ngày 28/5/2009 UBND thị xã N ban hành Thông báo số 58/TB-UBND về chủ trương thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện dự án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thôn N1, xã N2, huyện Ninh Hòa.

Sau khi công bố Thông báo số 58/TB-UBND ngày 28/5/2009, UBND thị xã N đã tiến hành đo đạc hiện trạng từng thửa đất và kiểm kê khối lượng vật kiến trúc có trên đất của tổ chức, hộ gia đình và cá nhân cần phải giải tỏa để thực hiện Dự án, trong đó có trường hợp của ông Hồ Hữu H. Quá trình đo đạc hiện trạng từng thửa đất và kiểm kê khối lượng vật kiến trúc có trên đất, ông H đã phối hợp với Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã N, UBND xã N2 thực hiện các nội dung trên và ông H đã thực hiện kê khai nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất đối với diện tích đất 9.476,3m² thuộc các thửa đất số 262, 268 của tờ bản đồ số 13 bản đồ địa chính xã N2 của ông bị ảnh hưởng bởi Dự án (nay là Nhà máy nhiệt điện BOT V2 1) và UBND thị xã đã ban hành các quyết định sau:

- Quyết định số 2540/QĐ-UBND ngày 08/7/2011 của UBND thị xã N về việc thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân để thực hiện Dự án.

- Quyết định số 2962/QĐ-UBND ngày 06/9/2011 của UBND thị xã N về việc phê duyệt phương án chi tiết về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án (Đợt 6+7).

- Quyết định số 3137/QĐ-UBND ngày 21/9/2011 của UBND thị xã N về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho ông (bà) Hồ Hữu H khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án.

Trong quá trình ban hành các Quyết định trên, Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã N đã phối hợp với UBND xã N2 tổ chức niêm yết công khai phương án chi tiết về bồi thường, hỗ trợ đối với các trường hợp được lập phương án chi tiết về bồi thường, hỗ trợ ở đợt 20, trong đó có trường hợp của ông Hồ Hữu H. Trong thời gian niêm yết công khai phương án chi tiết về bồi thường, hỗ trợ đợt 20 theo quy định thì không có tranh chấp hay khiếu nại gì về việc thu hồi đất, phê duyệt phương án chi tiết về bồi thường, hỗ trợ và phê duyệt kinh phí về bồi thường, hỗ trợ cho ông Hồ Hữu H khi Nhà nước thu hồi diện tích đất 9.476,3m² thuộc các thửa đất số 262, 268, tờ bản đồ số 13, bản đồ địa chính xã N2.

Sau khi phê duyệt kinh phí về bồi thường, hỗ trợ cho ông Hồ Hữu H, Trung tâm phát triển quỹ đất đã phối hợp với UBND xã N2 thực hiện việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho ông H nhưng ông H không chịu nhận tiền bồi thường, hỗ

trợ, với lý do là giá bồi thường, hỗ trợ thấp nhưng ông H cũng không có đơn kiến nghị hoặc khiếu nại về giá bồi thường, hỗ trợ thấp gửi cơ quan có thẩm quyền để giải quyết.

Đề bàn giao mặt bằng đất cho nhà đầu tư thực hiện Dự án, UBND thị xã N, Trung tâm phát triển quỹ đất và UBND xã N2 đã tổ chức nhiều buổi vận động ông H nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và bàn giao mặt bằng đất nhưng ông H không nhận tiền và bàn giao mặt bằng đất.

Ủy ban nhân dân thị xã N đã xin chủ trương của UBND tỉnh Khánh Hòa tổ chức thực hiện cưỡng chế thu hồi đất và được UBND tỉnh Khánh Hòa thống nhất theo Thông báo số 335/TB-UBND ngày 09/6/2017 Kết luận của UBND tỉnh về việc cưỡng chế thu hồi đất các dự án: Đường vào kho xăng dầu ngoại quan V2, Nhà máy nhiệt điện BOT V2 1, Khu công nghiệp N6, thị xã N.

Trên cơ sở thống nhất của UBND tỉnh Khánh Hòa, Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã N ban hành Công văn số 314/TT ngày 09/6/2017 về việc đề nghị cưỡng chế Quyết định thu hồi đất đối với 12 hộ gia đình, cá nhân không nhận tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và bàn giao mặt bằng thuộc Dự án. Chủ tịch UBND thị xã N đã ban hành Quyết định số 10062/QĐ-UBND ngày 16/6/2017 về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Hồ Hữu H, Quyết định số 10067/QĐ-UBND ngày 19/6/2017 về việc thành lập Ban thực hiện cưỡng chế thu hồi đất và Quyết định số 10357/QĐ-UBND ngày 11/7/2017 của Chủ tịch UBND thị xã N về việc điều chỉnh một phần nội dung tại Điều 1 Quyết định số 10062/QĐ-UBND ngày 16/6/2017 của Chủ tịch UBND thị xã N về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Hồ Hữu H.

Sau khi Ban thực hiện cưỡng chế thu hồi đất được thành lập, Ban thực hiện cưỡng chế đã tổ chức tuyên truyền, vận động bằng nhiều hình thức đối với hộ ông Hồ Hữu H để nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và bàn giao mặt bằng đất để thực hiện dự án nhưng ông Hồ Hữu H vẫn không chịu nhận tiền và bàn giao mặt bằng đất.

Do ông Hồ Hữu H không chịu nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và bàn giao mặt bằng đất để thực hiện dự án, ngày 21/7/2017, Ban thực hiện cưỡng chế thu hồi đất đã tổ chức thực hiện Quyết định số 10062/QĐ-UBND ngày 16/6/2017 của Chủ tịch UBND thị xã N về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Hồ Hữu H, Quyết định số 10357/QĐ-UBND ngày 11/7/2017 của Chủ tịch UBND thị xã N về việc điều chỉnh một phần nội dung tại Điều 1 Quyết định số 10062/QĐ-UBND ngày 16/6/2017 của Chủ tịch UBND thị xã N về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Hồ Hữu H.

Đối với ý kiến của người khởi kiện về nguồn gốc đất và tài sản trên đất; đối tượng thu hồi đất và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đối với đất và tài sản trên đất khi Nhà nước thu hồi:

Quan hệ gia đình: Ông Hồ T3 và bà Phạm Thị C sinh được những người con như sau: Bà Hồ Thị M1 (*chết*), có các con: Ông Hồ Ngọc D, ông Hồ Ngọc V, bà Hồ Thị Mỹ D1, ông Hồ Ngọc L1; bà Hồ Thị G; bà Hồ Thị N5; bà Hồ Thị N4; ông Hồ L2; ông Hồ Hữu H; bà Hồ Thị R (*chết*), có các con: Ông Nguyễn Văn T1, bà Nguyễn Thị H4. Trong thời gian xác minh bà Hồ Thị Mỹ D1, ông Hồ Ngọc L1, ông Nguyễn Văn T1, bà Nguyễn Thị H4 không có mặt.

Nguồn gốc đất và tài sản trên đất: Đất do ông Hồ T3 và bà Phạm Thị C khai hoang trước năm 1975 và xây dựng nhà ở năm 1978. Năm 1994, ông Hồ T3 chết và trong năm 1994 bà Phạm Thị C cùng các con là Hồ Thị M1, Hồ Thị G, Hồ Thị N5, Hồ Thị N4, Hồ L2, Hồ Hữu H, Hồ Thị R đã thống nhất trong gia đình với nhau và đã phân chia đất cho bà Hồ Thị M1 và ông Hồ L2, riêng ông Hồ Hữu H được chia đất và nhà ở có trên đất, đồng thời ông H phải có trách nhiệm nuôi bà C. Diện tích đất được chia cho bà Hồ Thị M1, ông Hồ L2 và ông Hồ Hữu H đã sử dụng ổn định, không tranh chấp. Năm 1997, xã N2 tiến hành đo đạc lập bản đồ địa chính để quản lý đất đai thì diện tích đất bà Hồ Thị M1, ông Hồ L2 và ông Hồ Hữu H đang sử dụng có ranh giới rõ ràng nên được đo đạc cho từng người và từng người đã kê khai đăng ký thửa đất của mình đang sử dụng để Nhà nước thiết lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi đo đạc hiện trạng sử dụng đất để xem xét bồi thường thì ranh giới đất của mỗi người đã đo đạc đúng như ranh giới đất được chia năm 1994 và đo đạc năm 1997. Do đó, khi thực hiện Dự án, bà Hồ Thị M1, ông Hồ L2 và ông Hồ Hữu H kê khai đất đai, nhà ở và tài sản trên đất để Nhà nước thu hồi và bồi thường thì các con và cháu của bà Phạm Thị C đều không có ý kiến thắc mắc.

Đối tượng thu hồi đất: Với quá trình sử dụng đất và nhà ở trên đất của ông Hồ Hữu H đã xác minh nêu trên, thì việc UBND thị xã N ban hành các Quyết định nêu trên là đúng đối tượng phải thu hồi đất.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đối với đất và tài sản trên đất khi nhà nước thu hồi: Các con, cháu của ông Hồ T3 và bà Phạm Thị C không có yêu cầu phải phân chia tài sản đã thống nhất cho ông Hồ Hữu H trước đây nhưng lại có ý kiến nếu được phân chia tài sản thừa kế thì có người xin nhận và có người thì cho lại bà Phạm Thị C để dưỡng già.

Vì vậy, UBND thị xã N, Chủ tịch UBND thị xã N không đồng ý với yêu cầu của người khởi kiện, giữ nguyên các Quyết định do UBND thị xã N, Chủ tịch UBND thị xã N đã ban hành nêu trên.

** Theo Bản tự khai ngày 16/11/2017 và quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hồ Hữu H và người đại theo ủy quyền là ông Nguyễn Đình T5 trình bày: Ông Hồ Hữu H thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của người khởi kiện và trình bày thêm: Trước đây, do không hiểu biết pháp luật nên ông H đã thực hiện các thủ tục liên quan đến thu hồi đất và bồi thường tài sản để thực hiện Dự án. Sau đó, ông H tìm hiểu và được tư vấn nên ông H xác định việc làm của ông là vi phạm pháp luật. Ngày 10/7/2017, ông H đã làm*

đơn từ chối nhận tài sản trên gửi đến Chủ tịch UBND thị xã N nhưng không được giải quyết. “GIẤY CHO NHÀ ĐẤT” đề ngày 12 tháng 5 năm 2005 không phải do ông và bà C viết (*cụ C không biết chữ*); chữ ký người nhận là ông ký và ghi họ tên; dấu điểm chỉ có ghi tên Phạm Thị C ông không xác định của ai.

**Theo Bản tự khai ngày 16/11/2017, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Kim C1, chị Hồ Thị Kim H2 và anh Hồ Hữu H3 trình bày: Thống nhất theo Bản tự khai ngày 16/11/2017 của ông Hồ Hữu H.*

**Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Hồ Thị G, bà Hồ Thị N4 và bà Hồ Thị N5 ủy quyền cho ông Lê L trình bày: Thống nhất ý kiến và yêu cầu của người khởi kiện.*

**Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Hồ Ngọc D, Hồ Ngọc V, Hồ Ngọc L1, Hồ L2, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Trung T2 và bà Hồ Thị Mỹ D1, Nguyễn Thị H4: Tòa án đã thực hiện việc cấp tổng đạt theo đúng quy định nhưng các đương sự không có lời khai, không có mặt để lấy lời khai và trình bày.*

Kèm theo đơn khởi kiện; ý kiến người bị kiện; ý kiến người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, các đương sự đã nộp các tài liệu chứng cứ đã được công khai tại biên bản công khai chứng cứ.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 24/2018/DS-ST ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã quyết định:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị C. Hủy các quyết định sau:

Quyết định số 2540/QĐ-UBND ngày 08/7/2011 của UBND thị xã N về việc thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân để thực hiện dự án Trung tâm điện lực V2, xã N2 thị xã N.

Quyết định số 3137/QĐ-UBND ngày 21 tháng 9 năm 2011 về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho ông (bà) Hồ Hữu H khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Trung tâm điện lực V2, xã N2, thị xã N. Quyết định số 10062/QĐ-UBND ngày 16/6/2017 của Chủ tịch UBND thị xã N về việc cưỡng chế thu hồi đất.

Quyết định số 10357/QĐ-UBND ngày 11/7/2017 của Chủ tịch UBND thị xã N về việc điều chỉnh một phần nội dung tại Điều 1 Quyết định số 10062/QĐ-UBND ngày 16/6/2017 của Chủ tịch UBND thị xã N về việc cưỡng chế thu hồi đất.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm, chi phí thẩm định và quyền kháng cáo.

Ngày 09/10/2018, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng ra Quyết định kháng nghị số 45/QĐ-VKS-HC ngày 09/10/2018 đề nghị sửa bản án sơ thẩm và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị C.

Ngày 25/9/2018, ông Hồ Hữu H kháng cáo đề nghị xem xét việc cưỡng chế và buộc Chủ tịch UBND thị xã N bồi thường thiệt hại do hành vi cưỡng chế gây ra.

Ngày 25/9/2018, bà Phạm Thị C kháng cáo đề nghị xem xét việc cưỡng chế, bồi thường thiệt hại do hành vi cưỡng chế gây ra và khắc phục hậu quả. Ngày 25/10/2018 bà Phạm Thị C rút đơn kháng cáo và Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã ra thông báo rút kháng cáo của bà Phạm Thị C.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ông Hồ Hữu H giữ nguyên kháng cáo.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng giữ nguyên kháng nghị và phát biểu ý kiến:
 - + Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và của những người tham gia tố tụng: Đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.
 - + Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của ông Hồ Hữu H; chấp nhận kháng nghị số 45/QĐ-VKS-HC ngày 09/10/2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và sửa bản án sơ thẩm; không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về kháng nghị số 45/QĐ-VKS-HC ngày 09/10/2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:

[1.1] Nhà và đất tại thửa đất số 53, tờ bản đồ số 7, thôn N1, xã N2, thị xã N là của bà Phạm Thị C và ông Hồ T3 khai hoang năm 1975 và xây dựng nhà năm 1979. Năm 1994, ông Hồ T3 chết (*không để lại di chúc*) và sau khi ông T3 chết thì ông Hồ Hữu H là con út cùng với vợ con ở với bà C trên diện tích đất 9.476,3m² thuộc các thửa đất số 262, 268 của tờ bản đồ số 13 bản đồ địa chính xã N2 bị ảnh hưởng bởi dự án Trung tâm điện lực V2, xã N2, thị xã N.

[1.2] Bản án sơ thẩm nhận định cho rằng ông H chỉ là một trong những người thừa kế của ông Hồ T3 đối với nhà đất tại thửa đất số 262, 268; hồ sơ kê khai về nhà đất của ông H không thống nhất; Giấy cho nhà đất của bà C ngày 12/5/2005 không có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền...chưa đủ căn cứ xác định ông H là chủ sử dụng nhà và đất bị thu hồi để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị C là chưa đánh giá đúng bản chất sự việc và chưa đúng thực tế khách quan của vụ án; vì lẽ:

[1.2.1] Theo lời khai của các đương sự trong vụ án là các ông Hồ L2, Hồ Ngọc D và ông Hồ Ngọc V tại biên bản làm việc ngày 31/01/2018 (Có sự tham

gia của ông Lê L là Đại diện theo ủy quyền của bà Hồ Thị G, Hồ Thị N5 và Hồ Thị N4): “đến năm 1994 sau khi bố tôi mất, mẹ tôi gọi các anh em đến cho đất. Mẹ và các anh chị em chúng tôi thỏa thuận chia đất để sản xuất và đăng ký, riêng phần đất còn lại trồng xoài là của mẹ tôi. Đến năm 1997 đo đạc bản đồ địa chính thì phần đất của ai được chia thì đo đạc cho người đó và đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và năm 2007 khi đo đạc bồi thường dự án, ranh giới bồi thường của ông H đúng như ranh giới được chia năm 1994 và đo đạc năm 1997. Về nhà ở ...khi chia đất đã thống nhất giao cho ông cho ông Hồ Hữu H ở từ đó cho đến khi bồi thường, còn chúng tôi xây dựng ở riêng”; lời khai nêu trên phù hợp với giấy tặng cho nhà đất của bà Phạm Thị C ngày 12/5/2005; phù hợp với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 475201 của UBND thị xã N cấp cho bà Phạm Thị C vào ngày 25/10/2000 và hồ sơ thu hồi, bồi thường đất của bà Phạm Thị C; phù hợp với Bản đồ địa chính và sổ mục kê Tờ bản đồ số 13 xã N2: Thửa 262 và 268 chủ sử dụng đất là ông Hồ Hữu H; phù hợp với hồ sơ kê khai đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2006 của ông H (02 Đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cùng ngày 25/5/2006, tờ khai mốc sử dụng đất ngày 25/5/2006, biên bản thẩm tra nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất, tờ khai hiện trạng chất lượng nhà ngày 25/5/2006 và tờ khai lệ phí trước bạ nhà đất ngày 25/5/2006) ông H đều kê khai nguồn gốc nhà đất diện tích 9.476,3m² là của cha mẹ (bà C và ông T3) cho ông H năm 2005 và phù hợp với việc bà C và các anh chị em của ông H cũng là những người có đất bị thu hồi trong dự án, đã biết việc thu hồi đất, việc bồi thường của dự án, biết được việc ông H kê khai bồi thường hỗ trợ nhà đất trên diện tích đất 9.476,3m² thuộc các thửa đất số 262, 268 tại danh sách niêm yết công khai danh sách bồi thường nhưng không có tranh chấp hoặc khiếu nại. Vì vậy, việc UBND thị xã N xác định ông Hồ Hữu H là người sử dụng đất và nhà ở gắn liền với diện tích đất 9.476,3m² thuộc các thửa số 262, 268, tờ bản đồ số 13, bản đồ địa chính xã N2, thị xã N tại thời điểm thực hiện dự án là hoàn toàn có căn cứ.

[1.2.2] Mặt khác, trong quá trình triển khai thực hiện dự án, đo đạc hiện trạng từng thửa đất và kiểm kê khối lượng vật kiến trúc có trên đất của gia đình của ông Hồ Hữu H thì ông H đều cho rằng nhà đất bị thu hồi bồi thường là của ông và đã trực tiếp cùng với Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã N, UBND xã N2 thực hiện:

- + Tự kê khai nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất đối với diện tích đất 9.476,3m² thuộc các thửa đất số 262, 268 của tờ bản đồ số 13 bản đồ địa chính xã N2;

- + Tham gia và ký xác nhận vào Biên bản kiểm kê khối lượng bồi thường giải tỏa trên diện tích đất 9.476,3m² và hồ sơ kỹ thuật thửa đất bị thu hồi;

- + Quá trình tham gia đối thoại và vận động thì ông H cũng đều cho rằng nhà đất bị thu hồi bồi thường là của ông.

Tuy nhiên, sau khi nhận được Quyết định số 10062/QĐ-UBND và Quyết định số 10357/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất của Chủ tịch UBND thị xã N thì ông H mới có đơn (ngày 31/8/2017) từ chối nhận tiền bồi thường với lý do đất và nhà ông đang ở bị giải tỏa bồi thường là của cha mẹ ông. Lý do nêu trên của ông H là nhằm mục đích không bàn giao đất để thực hiện dự án.

[1.2.3] Trong trường hợp bà Phạm Thị C và các con ông Hồ T3 có tranh chấp về thừa kế như lời trình bày của các đương sự trong vụ án thì các đương sự có quyền yêu cầu chia thừa kế đối với số tiền được bồi thường. Vì tiến độ và hiệu quả của dự án Trung tâm điện lực V2; UBND thị xã N và Chủ tịch UBND thị xã N không thể chờ đợi kết quả giải quyết tranh chấp của các đương sự mới tiến hành thực hiện dự án. Cho nên, việc Tòa án cấp sơ thẩm nhận định cho rằng các Quyết định của UBND và Chủ tịch UBND thị xã N áp dụng đối với ông Hồ Hữu H là sai đối tượng để làm căn cứ hủy các Quyết định số 2540/QĐ-UBND ngày 08/7/2011, Quyết định số 3137/QĐ-UBND ngày 21/9/2011, Quyết định số 10062/QĐ-UBND ngày 16/6/2017 và Quyết định số 10357/QĐ-UBND ngày 11/7/2017 là không đúng. Do đó, chấp nhận kháng nghị số 45/QĐ-VKS-HC ngày 09/10/2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng; sửa bản án sơ thẩm và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị C.

[2] Về kháng cáo của ông Hồ Hữu H:

[2.1] Thôn N1, xã N2, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa nằm trong khu vực quy hoạch thuộc khu kinh tế vịnh V2, tỉnh Khánh Hòa được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 51/2005/QĐ-TTg ngày 11/3/2005 và Quyết định số 380/2005/QĐ-TTg ngày 17/3/2014.

Trên cơ sở được giao nhiệm vụ tại các quyết định số 51/2005/QĐ-TTg ngày 11/3/2005 và Quyết định số 380/2005/QĐ-TTg ngày 17/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ nêu trên; Bộ công thương đã ban hành các Quyết định số 0734/QĐ-BCT ngày 20/01/2009; số 0967/QĐ-BCT ngày 03/3/2011; số 3846/QĐ-BCT ngày 09/10/2017 và số 4190/QĐ-BCT ngày 20/11/2017 phê duyệt quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch địa điểm xây dựng trung tâm điện lực V2, xã N2, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

Ngày 28/04/2009 UBND tỉnh Khánh Hòa ban hành Quyết định số 918/QĐ-UBND cho phép tiến hành chuẩn bị dự án bồi thường hỗ trợ và tái định cư và giao cho UBND thị xã N làm chủ đầu tư và thực hiện công tác giải phóng mặt bằng dự án trung tâm điện lực V2.

Như vậy, dự án trung tâm điện lực V2, xã N2, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa đã được Thủ tướng Chính phủ, Bộ công thương phê duyệt và UBND tỉnh Khánh Hòa cho phép thực hiện.

[2.2] Thực hiện dự án, ngày 28/5/2009 UBND thị xã N ban hành Thông báo số 58/TB-UBND về thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư tại thôn N1, xã N2, thị xã N; trong đó có hộ ông Hồ Hữu H.

Trên cơ sở đo đạc, kiểm kê hiện trạng theo Thông báo số 58/TB-UBND ngày 28/5/2009 của UBND thị xã N; ngày 28/5/2009 UBND thị xã N ban hành Quyết định số 2540/QĐ-UBND ngày 08/7/2011 thu hồi diện tích đất 9.476,3m² và Quyết định số 3137/QĐ-UBND ngày 21/9/2011 phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho ông Hồ Hữu H;

Sau khi có quyết định phê duyệt Quyết định số 2540/QĐ-UBND ngày 08/7/2011 và Quyết định số 3137/QĐ-UBND ngày 21/9/2011; Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã N đã phối hợp với UBND xã N2 thực hiện việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho ông H; đã nhiều lần vận động, thuyết phục và tổ chức đối thoại nhiều lần nhưng ông H không chịu nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và bàn giao đất; với lý do là giá bồi thường, hỗ trợ thấp: *“Tiền bồi thường hỗ trợ của ông là 1.442.255.030 đồng là còn ít thấy số tiền còn ít nên chưa muốn đi...”*. Cho nên, Ngày 16/6/2017 và ngày 11/7/2017, Chủ tịch UBND thị xã N ban hành Quyết định số 10062/QĐ-UBND ngày 16/6/2017 và Quyết định số 10357/QĐ-UBND ngày 11/7/2017 về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Hồ Hữu H là đúng quy định tại điểm d, khoản 3 điều 69 Luật đất đai năm 2013.

[2.3] Việc ông Hồ Hữu H cho rằng giá bồi thường thấp đã được UBND thị xã N giải quyết trả lời tại văn bản số 1743/UBND ngày 09/6/2017 nhưng ông H không có khiếu nại hoặc khởi kiện. Hơn nữa, đơn giá bồi thường được áp dụng đối với ông H là đúng quy định tại Quyết định số 101/2009 ngày 21/12/2009 của UBND tỉnh Khánh Hòa và khoản 3 Điều 34 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ.

Do đó, không chấp nhận kháng cáo của ông Hồ Hữu H.

[3] Do sửa bản án sơ thẩm và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên cụ C phải chịu án phí sơ thẩm và UBND thị xã N không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và do không chấp nhận kháng cáo nên ông H phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điểm a, khoản 2 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Hồ Hữu H.

Chấp nhận Quyết định kháng nghị số 45/QĐ-VKS-HC ngày 09/10/2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và sửa bản án sơ thẩm;

Áp dụng: Điều 38, 39, 40, 41, 42 Luật Đất đai năm 2003; điểm d, khoản 3 Điều 69, 71 Luật đất đai năm 2013; Điều 99 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 và khoản 3 Điều 34 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ.

Xử: Bác đơn khởi kiện của bà Phạm Thị C; về việc bà C yêu cầu hủy Quyết định số 2540/QĐ-UBND ngày 08/7/2011 và Quyết định số 3137/QĐ-UBND ngày 21/9/2011 của UBND thị xã N; Quyết định số 10062/QĐ-UBND ngày 16/6/2017 và Quyết định số 10357/QĐ-UBND ngày 11/7/2017 của Chủ tịch UBND thị xã N.

Về án phí:

Bà Phạm Thị C phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm- Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số 0366 ngày 19/10/2017 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa.

Ông Hồ Hữu H phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm- Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm ông Hồ Hữu H đã nộp tại biên lai thu số 0719 ngày 10/10/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Cục THADS tỉnh Khánh Hòa;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Phước Thanh